

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HS-ST

Ngày: 19/4/2023

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Cúc – Nguyên Phó chủ nhiệm Ban bảo vệ chăm sóc trẻ em và Nguyên Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện Vĩnh Cửu.

2. Bà Hoàng Thị Hồng Quyên – Giáo viên trường THPT Trại An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hình sự thụ lý số: 39/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trọng T, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2005, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp N, xã M, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú và bị bắt tạm giữ ngày 01/11/2022, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Vĩnh Cửu, bị cáo “có mặt”.

2. Lê Ngọc S, sinh năm 1997, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc L (đã chết) và bà Mai Ánh T, sinh năm 1959; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 01/12/2022, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Vĩnh Cửu, bị cáo “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo T:* Ông Vũ Văn Tăng – Luật sư văn phòng luật sư Vũ Tăng – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. “có mặt”.

- *Bị hại:* A Mạc Quý H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. “vắng mặt”.

- *Người đại diện cho bị cáo T:* Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ S, ấp N, xã M, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. “**có mặt**”.

- *Người làm chứng:* A Phan Lê Hồng T2, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 19/4/2020, Đỗ T2 S điều khiển xe mô tô biển số 53R7-2747 chở Phạm ThA L, Lê Nguyễn Ánh L1 cùng ngụ tại ấp N, xã M, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đến khu rừng đặc dụng thuộc ấp B, xã H, huyện Vĩnh Cửu để nhặt quả ươi. S dựng xe mô tô biển số 53R7-2747 tại đường be thuộc khoảnh 2 tiểu khu 119 thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai quản lý rồi cả 03 người đi vào trong rừng. Đến 09 giờ 30 phút cùng ngày, Tổ tuần tra truy quét bảo vệ rừng thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai gồm các A Phan Gia Công - trạm Kiểm lâm cơ động, Trần Hữu Tài - trạm Kiểm lâm Cù Đình, Nguyễn Lê Trung Đức - trạm Kiểm lâm Khu Ủy phát hiện xe không có người trông coi, không xác định được chủ sở hữu nên T2 hành lập biên bản và đưa xe mô tô về trụ sở trạm Kiểm lâm Cù Đình thuộc ấp 4, xã H, huyện Vĩnh Cửu quản lý. Ngày 21/4/2020, Đỗ T2 S biết xe mô tô biển số 53R7-2747 của mình đang bị tạm giữ tại trạm Kiểm lâm Cù Đình nên đã đến xin nhận lại xe, nhưng S không xuất trình được giấy tờ liên quan đến nguồn gốc xe mô tô nên Trạm kiểm lâm chưa trả xe cho S.

Khoảng 12 giờ ngày 24/04/2020 tại nhà Nguyễn Trọng T gồm 10 người tổ chức ăn nhậu gồm: Lê Nguyễn Ánh H, Châu Văn H, Lê Nguyễn Ánh L1, Đỗ Tiéns S, Nguyễn Văn K, Tống Hoàng O, Nguyễn Trọng T, Phạm ThA L, Huỳnh Văn T3, Lê Ngọc S. Trong lúc nhậu, Đỗ Tiến S lại kể sự việc vào rừng, bị trạm Kiểm lâm Cù Đình giữ xe mô tô và đã đến liên hệ xin xe không được cho mọi người cùng nghe. Lúc này Lê Nguyễn Ánh H rủ những cả nhóm đang nhậu cùng đến trạm Kiểm lâm Cù Đình lấy xe mô tô cho S, cả nhóm đồng ý. H nói với O và K về nhà lấy dao mang theo đến trạm Kiểm lâm Cù Đình mục đích đe dọa, gây sức ép buộc nhân viên trạm Kiểm lâm trả xe. Nguyễn Văn K điều khiển xe chở Tống Hoàng O về nhà O, rồi K điều khiển xe về nhà mình. K vào nhà lấy 01 con dao rựa và chạy

đến đón O. O cũng lấy 02 con dao rựa đứng đợi K trước nhà. Khi K đến gặp O, K đưa dao cho O cầm rồi chở O quay lại nhà T. Đến cổng nhà T, K dừng xe nói vọng vào trong nhà T là K chở O đi đồ xăng rồi hẹn gặp nhau ở cầu sắt trên đường vào Trạm kiểm lâm Cù Đình, rồi K chở O đi.

Khoảng 10 phút sau tại nhà T, H điều khiển xe chở Lê Ngọc S; Đỗ T2 S điều khiển xe chở L1 đi trước ra cầu sắt gặp K và O; T điều khiển xe chở L và T3, H chạy một xe. Trên đường đi, H gặp và rủ Tổng Hoàng A vào trạm Kiểm lâm Cù Đình lấy xe cho S, A đồng ý và lên xe H cùng đi, đồng thời A biết mang theo G vào Trạm kiểm lâm Cù Đình lấy xe cho S, nếu có đánh nhau thì dùng dao chặt cây đánh trả. Nguyễn Văn K gặp và rủ Nguyễn Phi G đi vào trạm Kiểm lâm Cù Đình nhưng G từ chối vì không có phương tiện. Trên đường đi đến ngã ba địa đạo chiến khu 9 (gần đến trạm kiểm lâm Cù Đình) cả nhóm nghỉ và đợi nhau, lúc này tất cả mọi người trong nhóm gồm có 11 đối tượng là: H, Linh, H, A, T3, L, T, Đỗ T2 S, Lê Ngọc S, K và O. Tất cả đều biết K và O mang theo 03 con dao rựa.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, cả nhóm đi vào trong trụ sở trạm Kiểm lâm Cù Đình thì thấy trạm không có người. H và Đỗ T2 S đi ra phía sau trạm tìm xe mô tô biển số 53R7-2747 của S. Còn Linh, H, A và K đi dọc hành lang phía trước tìm người trong trạm Kiểm lâm để nói chuyện. Còn T3, L, T, O, Lê Ngọc S đứng ngoài chỗ để xe phía trước sân trạm Kiểm lâm Cù Đình. Lúc này, A Mạc Quý H là Kiểm lâm viên của Hạt kiểm lâm Khu Bảo tồn Thiên nhiên- Văn hóa Đồng Nai đang trực tại trạm Kiểm lâm Cù Đình phát hiện có người đến trạm nên A Mạc Quý H đi ra xem xét. A Mạc Quý H thấy nhóm người đến trạm nên ra nói chuyện và đi lại ngồi tại bàn ghế đá để trước cửa của trạm. Linh, H, A, K, T3 cũng đến đứng xung quanh bàn ghế đá, T, Lê Ngọc S ở ngoài xe cũng đến đi vào chỗ bàn ghế đá. H và S đang dẫn xe mô tô biển số 53R7-2747 đi ra và thấy A Mạc Quý H thì H nói cho xin lại chiếc xe, A Mạc Quý H không đồng ý và nói đợi lãnh đạo về giải quyết. H, L1 và H tiếp tục nói chuyện A Mạc Quý H cho nhận lại xe thì A Mạc Quý H không đồng ý. Hai bên tiếp tục nói qua, nói lại rồi cãi nhau thì H dùng tay đánh 02 cái vào mặt A H và kêu mang rựa vào đây. O đang đứng đợi bên ngoài nghe T2 gọi liền cầm 03 con dao rựa bọc trong áo mang vào để gần ghế đá nơi đang xảy ra xô xát. H cầm dao rựa đe dọa A H sau đó ném dao ra ngoài, L1 lấy 01 con dao rựa để đe dọa A H nhưng A đến lấy lại không cho L1 cầm dao, rồi mang cả 02 con dao rựa ra ngoài. Lúc này H cầm ly thủy tinh đang để trên bàn đánh vào đầu A Mạc Quý H gây thương tích rồi kêu S lấy xe mô tô biển số 53R7-2747 bị tạm giữ đi về. H nói với A Mạc Quý H “muốn gì ngày mai ra bà H giải quyết”. Do lúc này S có 02 chiếc xe nên S nhờ L1 điều khiển xe mô tô là phương tiện đi đến trạm Kiểm lâm, còn S điều khiển xe mô tô biển số 53R7-2747 đi về, H điều khiển xe chở Lê Ngọc S; H chở A cầm 03 con dao rựa, cùng cả nhóm rời khỏi Trạm Kiểm lâm Cù Đình.

Nguyễn Phi G sau khi có phương tiện G gặp và rủ Nguyễn Hữu K1 đi vào trạm Kiểm lâm để xem, lúc đến nơi thì thấy nhóm của của Ánh H đang chuẩn bị về nên G và K1 đi về theo. G và K1 không chứng kiến toàn bộ sự việc.

Sau khi sự việc xảy ra, trạm Kiểm lâm Cù Đình trình báo Công an huyện Vĩnh Cửu phối hợp các ngành chức năng thu thập hồ sơ xử lý các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội.

- Tang vật thu giữ:

01 con dao gậy cán, lưỡi dài 16 cm, bản rộng 4cm, cán nhựa dài 10,5 cm, rộng 2,5 cm; 01 quai ly thủy tinh dài 10cm; nhiều mảnh thủy tinh; 01 con dao rựa dài 60 cm, cán gỗ dài 36 cm đường kính 3cm, lưỡi dài 24 cm.

Xe mô tô biển số 53R7-2747 không giấy tờ, số máy, số khung mờ không đọc được.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 0420/Tg/2020 ngày 27/5/2020 của Giám định viên Trung T pháp y tỉnh Đồng Nai xác định thương tích của A Mạc Quý H như sau:

Sẹo vùng trán nằm trong chân tóc kích thước 1,5 x 0,2 cm tỉ lệ 01%.

Sẹo vùng trán nằm ngoài chân tóc kích thước 03 x 0,2 cm tỉ lệ 03%.

Sẹo vùng trán nằm trong chân tóc kích thước 1,5 x 0,2 cm tỉ lệ 03%.

Sẹo vùng trán nằm ngoài chân tóc kích thước 2 x 0,2 cm tỉ lệ 03%.

Sẹo vùng trán nằm ngoài chân tóc kích thước 3 x 0,2 cm tỉ lệ 03%.

Tỉ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định 12%.

Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại không có ý kiến và khiếu nại gì về kết luận giám định pháp y thương tích nêu trên.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 157/KLĐGTS ngày 23/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu kết luận xe mô tô biển số 53R7-2747 trị giá 800.000 đồng. Quá trình điều tra các bị cáo, bị hại không có ý kiến và khiếu nại gì về kết luận định giá nêu trên.

- Trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án số 122/2022 ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, A Mạc Quý H không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Bản cáo trạng số: 50/CT-VKSVC ngày 22/3/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T và Lê Ngọc S về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 168; Điều 17, Điều 38; Điều 51; Điều 52; Điều 58; Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ

luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt Nguyễn Trọng T 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Lê Ngọc S từ **03 năm đến 03 năm 06 tháng** tù.

Về vật chứng và dân sự: Đã được giải quyết tại bản án số 122/2022 ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trọng T và Lê Ngọc S đã ki nhận toàn bộ hành vi của mình.

Người bào chữa cho bị cáo T là ông Vũ Văn Tăng có mặt tại phiên tòa trình bày: Về tội dA ông đồng ý và không có ý kiến gì. Ông Tăng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét một số tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T như sau: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu với vai trò giúp sức không đáng kể; Bị cáo thành khẩn ki báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi. Ông Tăng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, h khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 100 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và không đồng ý với quan điểm của người bào chữa vì không có căn cứ bị cáo hạn chế về nhận thức, hậu quả của hành vi mà các bị cáo thực hiện không những xâm hại đến sức khỏe của bị hại với tỷ lệ 12% mà còn giá trị tài sản. Do đó không có căn cứ để cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi mà các bị cáo đã gây ra, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T2 hành tố tụng, người T2 hành tố tụng.

[2] Về căn cứ buộc tội:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Trọng T và Lê Ngọc S đã ki nhận hành vi phạm tội, lời ki nhận của bị cáo phù hợp với lời ki của nhau, phù hợp với lời ki của các bị cáo đã bị xét xử tại bản án số 122/2022, những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 24/04/2020, tại nhà Nguyễn Trọng T địa chỉ ấp 5, xã M, huyện Vĩnh Cửu tổ chức tiệc nhậu gồm 10 người, cụ thể: Lê Nguyễn Ánh H, Châu Văn H, Lê Nguyễn Ánh L1, Đỗ T2 S, Nguyễn Văn K, Tống Hoàng O, Nguyễn Trọng T,

Phạm ThA L, Huỳnh Văn T3, Lê Ngọc S. Trong lúc nhậu, S kể lại sự việc bị trạm Kiểm lâm Cù Đình giữ xe mô tô biển số 53R7-2747 của S cho mọi người nghe, S đã đi xin nhưng không được. H rủ tất cả mọi người đến trạm Kiểm lâm Cù Đình đi đòi xe cho S, tất cả đồng ý. H nói K, O về nhà lấy dao mang theo đến trạm Kiểm lâm Cù Đình mục đích đe dọa, gây sức ép để lực lượng Kiểm Lâm trả lại xe mô tô cho S. K và O về nhà lấy 03 dao (rựa) và cùng mọi người đến trạm Kiểm lâm Cù Đình.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, A Mạc Quý H là Kiểm lâm viên của Hạt kiểm lâm Khu Bảo tồn Thiên nhiên- Văn hóa Đồng Nai đang trực tại trạm Kiểm lâm Cù Đình nhìn thấy nhóm của Ánh H vào trong khuôn viên trụ sở trạm Kiểm lâm dắt xe mô tô biển số 53R7-2747 đang bị tạm giữ, nên A Mạc Quý H yêu cầu các đối tượng chờ lãnh đạo giải quyết thì xảy ra mâu thuẫn. H dùng tay đánh A Mạc Quý H. O là người mang 03 con dao (rựa) vào nơi xảy ra mâu thuẫn. H cầm 01 con dao rựa đe dọa A Mạc Quý H, L1 có mặt tại bàn đá yêu cầu A Mạc Quý H trả xe và đưa tay lấy dao rựa mục đích đe dọa A Mạc Quý H nhưng A lấy dao rựa mang ra ngoài. Ánh H sử dụng ly thủy tinh lấy ở bàn đá đánh vào đầu A Mạc Quý H gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 12%. Sau đó Ánh H kêu Đỗ T2 S chiếm đoạt xe mô tô biển số 53R7-2747 trị giá 800.000 đồng do Trạm Kiểm lâm Cù Đình đang quản lý và cả nhóm đi về.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Trọng T và Lê Ngọc S đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Theo quy định khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết định khung hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T và bị cáo S đều thừa nhận O và K có mang theo 03 con dao (rựa), có sử dụng dao rựa này để đe dọa A Mạc Quý H và H dùng ly thủy tinh đánh vào đầu A Mạc Quý H gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Do đó, các bị cáo phải chịu tình tiết định khung “*Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác*” và “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%*”.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử, xét có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng T và Lê Ngọc S cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản và sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an ninh, tạo nên T lý lo ngại, bức xúc trong nhân dân, vụ án được dư luận và báo chí quan T. Bị cáo T và bị cáo S bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng sau đó các bị cáo không chấp hành mà bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra phải truy nã đối với các bị cáo

nên gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Trọng T và Lê Ngọc S là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo T đầu thú, bị cáo S có trình độ học vấn thấp được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về hình phạt: Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo và nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo T và S là người tham gia với vai trò đồng phạm thứ yếu nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo T tại thời điểm phạm tội ở độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi nên căn cứ Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét áp dụng hình phạt cho bị cáo T.

[8] Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý theo bản án số 122/2022/HS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[9] Về dân sự: Đã được xử lý theo bản án số 122/2022/HS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị cáo T trình bày có bồi thường cho A Mạc Quý H số tiền 1.500.000đ nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; A Mạc Quý H có lời khai các bị cáo đã bị Tòa án xử theo bản án số 122/2022 bồi thường nên không có căn cứ để xem xét theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bị cáo T.

A Mạc Quý H không yêu cầu bị cáo T và Lê Ngọc S bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Ý kiến của ông Tăng bào chữa cho bị cáo T trình bày về tội dA, một số tình tiết giảm nhẹ phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Về ý kiến đề nghị cho bị cáo được hưởng án tình tiết giảm nhẹ theo

điểm i, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[12] Về đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xử lý đối với hành vi phạm tội của các bị cáo về tội dA, về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Về đề nghị mức hình phạt của bị cáo T không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[13] Các vấn đề khác: Đối với Lê Nguyễn Ánh H, Châu Văn H, Lê Nguyễn Ánh L1, Đỗ T2 S, Tống Hoàng O, Nguyễn Văn K, Tống Hoàng A, Huỳnh Văn T3 và Phạm ThA L đã được xét xử tại bản án số 122/2022/HS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trọng T và Lê Ngọc S phạm tội “Cướp tài sản”.

+ Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

- Bị cáo Lê Ngọc S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2022.

+ Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 168; Điều 12; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Trọng T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/11/2022.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Vĩnh Cửu;
- Cơ quan THA hình sự huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA